

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I

Môn ĐỊA LÍ 10

Năm học: 2026-2027

ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN CHƯƠNG 1. BẢN ĐỒ

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Phương pháp kí hiệu dùng để thể hiện các đối tượng

- A. phân bố theo những điểm cụ thể.
- B. di chuyển theo các hướng bất kì.
- C. phân bố phân tán, lẻ tẻ, rời rạc.
- D. tập trung thành vùng rộng lớn.

Câu 2. Dạng kí hiệu nào sau đây **không** thuộc phương pháp kí hiệu?

- A. Hình học.
- B. Chữ.
- C. Mũi tên.
- D. Tượng hình.

Câu 3. Đối tượng nào sau đây được biểu hiện bằng phương pháp kí hiệu?

- A. Hướng gió.
- B. Dòng biển.
- C. Hải cảng.
- D. Luồng di dân.

Câu 6. Các mỏ khoáng sản thường được biểu hiện bằng phương pháp

- A. đường chuyển động.
- B. kí hiệu.
- C. chấm điểm.
- D. bản đồ - biểu đồ.

Câu 7. Phương pháp đường chuyển động dùng để thể hiện các đối tượng

- A. phân bố phân tán, lẻ tẻ, rời rạc.
- B. tập trung thành vùng rộng lớn.
- C. phân bố theo những điểm cụ thể.
- D. di chuyển theo các hướng bất kì.

Câu 8. Phương pháp chấm điểm dùng để thể hiện các hiện tượng

- A. phân bố theo những điểm cụ thể.
- B. di chuyển theo các hướng bất kì.
- C. phân bố phân tán, lẻ tẻ, rời rạc.
- D. tập trung thành vùng rộng lớn.

Câu 9. Trị giá xuất khẩu và nhập khẩu của các tỉnh Việt Nam trong cùng một thời gian, thường được thể hiện bằng phương pháp

- A. kí hiệu theo đường.
- B. bản đồ - biểu đồ.
- C. chấm điểm.
- D. đường chuyển động.

CHƯƠNG 2. TRÁI ĐẤT

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Phát biểu nào sau đây là đúng nhất về Vũ Trụ?

- A. Là khoảng không gian vô tận chứa các thiên hà.
- B. Là khoảng không gian vô tận chứa các ngôi sao.
- C. Là khoảng không gian vô tận chứa các hành tinh.
- D. Là khoảng không gian vô tận chứa các vệ tinh.

Câu 2. Hệ Mặt Trời gồm có Mặt Trời ở trung tâm cùng với các

- A. hành tinh, vệ tinh, sao chổi, thiên thạch, bụi và các thiên hà.
- B. hành tinh, vệ tinh, sao chổi, thiên thạch và các đám bụi khí.
- C. hành tinh, vệ tinh, sao chổi, thiên thạch, khí và Dải Ngân Hà.
- D. hành tinh, vệ tinh, vũ trụ, các thiên thạch và các đám bụi khí.

Câu 3. Thiên thể nào sau đây hiện nay **không** được công nhận là hành tinh của Hệ Mặt Trời?

- A. Thiên Vương tinh.
- B. Diêm Vương tinh.
- C. Thổ tinh.
- D. Kim tinh.

Câu 4. Trong Hệ Mặt Trời, từ Mặt Trời trở ra ngoài, Trái Đất nằm ở vị trí thứ

- A. nhất.
- B. hai.
- C. ba.
- D. tư.

Câu 5. Các hành tinh trong Hệ Mặt Trời có quỹ đạo chuyển động từ

- A. tây sang đông.
- B. đông sang tây.
- C. bắc đến nam.
- D. nam đến bắc.

Câu 6. Trái Đất nhận được lượng nhiệt và ánh sáng phù hợp để sự sống phát sinh và phát triển là nhờ vào sự tự quay và ở vị trí

- A. quá xa so với Mặt Trời.
- B. quá gần so với Mặt Trời.
- C. vừa phải so với Mặt Trời.
- D. hợp lí so với Mặt Trời.

Câu 7. Cấu trúc của Trái Đất gồm các lớp sau

- A. Vỏ đại dương, lớp Man-ti, nhân Trái Đất.
- B. Vỏ Trái Đất, lớp Man-ti, nhân Trái Đất.
- C. Vỏ lục địa, lớp Man-ti, nhân Trái Đất.
- D. Vỏ đại dương, Man-ti trên, nhân Trái Đất.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với lớp vỏ Trái Đất?

- A. Vỏ cứng, mỏng, độ dày ở đại dương khoảng 5 km.
- B. Dày không đều, cấu tạo bởi các tầng đá khác nhau.
- C. Trên cùng là đá ba dan, dưới cùng là đá trầm tích.
- D. Giới hạn vỏ Trái Đất không trùng với thạch quyển.

Câu 9. Hiện tượng khác nhau về thời gian ngày và đêm trong câu ca dao “*Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng; Ngày tháng mười chưa cười đã tối*” không xảy ra ở khu vực nào sau đây thuộc bán cầu Bắc?

- A. Xích đạo.
- B. Chí tuyến Bắc.
- C. Chí tuyến Nam.
- D. Vòng cực.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây không đúng về thời gian ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ?

- A. Càng về vĩ độ cao chênh lệch thời gian ngày đêm càng lớn.
- B. Từ Xích đạo về hai cực lệch thời gian ngày đêm càng nhiều.
- C. Càng về vĩ độ cao chênh lệch thời gian ngày đêm càng nhỏ.
- D. Từ cực về Xích đạo chênh lệch thời gian ngày đêm càng nhỏ.

Câu 11. Mùa hạ của các nước theo dương lịch ở bán cầu Bắc từ ngày

- A. 21/3 đến 22/6.
- B. 22/6 đến 23/9.
- C. 23/9 đến 22/12.
- D. 22/12 đến 21/3.

Câu 12. Nguyên nhân sinh ra các mùa trong năm là do

- A. trục Trái Đất nghiêng với mặt phẳng chuyển động và Trái Đất hình cầu.
- B. Trái Đất hình cầu và trục không đổi phương khi quay ở quanh Mặt Trời.
- C. Trái Đất hình cầu và hai phía xuất hiện trước Mặt Trời vào lúc khác nhau.
- D. trục Trái Đất luôn nghiêng và không đổi phương khi quay quanh Mặt Trời.

Câu 13. Ở cùng một thời điểm, người đứng ở các kinh tuyến khác nhau sẽ nhìn thấy Mặt Trời ở các độ cao khác nhau nên có giờ khác nhau. Nguyên nhân là

- A. Trái Đất tự quay quanh trục.
- B. Trục Trái Đất nghiêng.
- C. Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời.
- D. Trái Đất có dạng hình khối cầu.

Câu 14. Khi Hà Nội là 9 giờ ngày 2 - 9 - 2021 thì

- A. ô-ky-ô (Nhật Bản) là 9 giờ cùng ngày.
- B. Luân Đôn (Anh) là 2 giờ cùng ngày.
- C. Băng Cốc (Thái Lan) là 8 giờ cùng ngày.
- D. Xơ-un (Hàn Quốc) là 12 giờ cùng ngày.

Câu 15. Nếu múi giờ số 12 đang là 2 giờ ngày 15-2 thì cùng lúc đó Việt Nam (múi giờ số 7) đang là mấy giờ, ngày bao nhiêu?

- A. 7 giờ ngày 15-2.
- B. 7 giờ ngày 14-2.
- C. 21 giờ ngày 15-2.
- D. 21 giờ ngày 14-2.

Câu 16. Đường chuyển ngày quốc tế được quy định là

- A. kinh tuyến 0° đi qua múi giờ số 0.
- B. kinh tuyến 90°Đ đi qua giữa múi giờ số 6 (+6).
- C. Kinh tuyến 180° đi qua giữa múi giờ số 12 (+12).
- D. kinh tuyến 90°T đi qua giữa múi giờ số 18 (-6).

Câu 17. Đường chuyển ngày quốc tế không phải là đường thẳng do

- A. Trái Đất hình khối cầu không phải mặt phẳng.
- B. được điều chỉnh theo biên giới quốc gia.
- C. kinh tuyến 180° không phải là đường thẳng.
- D. nằm giữa biển.

Câu 18. Trên Trái Đất có ngày và đêm là nhờ vào

- A. Trái Đất hình khối cầu tự quay quanh trục và được Mặt Trời chiếu sáng.
- B. Trái Đất hình khối cầu quay quanh Mặt Trời và được Mặt Trời chiếu sáng.
- C. Trái Đất được chiếu sáng toàn bộ và có hình khối cầu tự quay quanh trục.
- D. Trái Đất được Mặt Trời chiếu sáng và luôn tự quay xung quanh Mặt Trời.

Câu 19. Để phù hợp với thời gian nơi đến, khi đi từ phía tây sang phía đông qua kinh tuyến đổi ngày, cần

- A. tăng thêm một ngày lịch.
- B. lùi đi một ngày lịch,
- C. giữ nguyên lịch ngày đi.
- D. giữ nguyên lịch ngày đến.

Câu 20. Để phù hợp với thời gian nơi đi, khi đi từ phía tây sang phía đông qua kinh tuyến đổi ngày, cần

- A. tăng thêm một ngày lịch.
- B. lùi đi một ngày lịch.
- C. giữ nguyên lịch ngày đi.
- D. giữ nguyên lịch ngày đến.

Câu 21. Phát biểu nào sau đây đúng với Trái Đất so với Mặt Trời?

- A. Trái Đất tự quay quanh trục, sau đó chuyển động tịnh tiến ở quanh Mặt Trời.
- B. Trái Đất chuyển động tịnh tiến ở quanh Mặt Trời, sau đó tự quay quanh trục.

C. Trái Đất vừa tự quay quanh trục, vừa chuyển động tịnh tiến quanh Mặt Trời.

D. Trái Đất chuyển động tịnh tiến quanh trục và tự quay xung quanh Mặt Trời.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 8. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Do trục Trái Đất luôn nghiêng với mặt phẳng quỹ đạo và không đổi phương khi chuyển động quanh Mặt Trời nên có hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo vĩ độ. Độ dài ngày đêm chênh lệch nhau càng nhiều khi đi từ xích đạo về hai cực. Từ vòng cực về cực có hiện tượng “đêm trắng”. Thành phố Xanh Pê-téc-bua nằm ở vĩ độ cao, gần vòng cực Bắc. Xanh Pê-téc-bua thu hút khách du lịch với hiện tượng “đêm trắng”.

a) “Đêm trắng” có thời gian ban đêm diễn ra rất ngắn.

b) “Đêm trắng” diễn ra chủ yếu ở khu vực từ chí tuyến đến vòng cực.

c) “Đêm trắng” diễn ra vào mùa hạ ở Xanh Pê-téc-bua.

d) Xanh Pê-téc-bua có hiện tượng “đêm trắng” do địa điểm này nằm hoàn toàn trước đường phân chia sáng tối.

Đáp án: a) – Đúng; b) – Sai; c) – Đúng; d) – Đúng.

Câu 2. Giải thích câu tục ngữ của Việt Nam:

*“Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng,
Ngày tháng mười chưa cười đã tối”*

a) Nói về hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa.

b) Vào tháng năm ở nước ta có thời gian ban đêm ngắn hơn thời gian ban ngày còn tháng 10 thì ngược lại.

c) Từ sau tháng năm đến tháng 10, ở nước ta thời gian ban đêm có xu hướng tăng dần.

d) Hiện tượng trên đúng với mọi địa điểm trên Trái Đất.

Đáp án: a) – Đúng. b) – Đúng. c) – Đúng. d) – Sai.

Câu 3. Cho đoạn thông tin:

"Trên bề mặt Trái Đất có 24 khu vực giờ. Giờ của kinh tuyến đi qua giữa khu vực được lấy làm giờ chung cho cả khu vực đó. Để thống nhất việc sử dụng giờ trên toàn thế giới, Hội nghị quốc tế về kinh tuyến họp tại Oa-sinh-ton (Hoa Kỳ) vào năm 1884 đã thống nhất lấy giờ ở khu vực giờ có kinh tuyến gốc đi qua làm giờ quốc tế hay còn gọi là giờ GMT (Greenwich Mean Time) và đánh số 0".

a) Giờ khu vực là giờ chung của tất cả các địa điểm trên Trái Đất.

b) Giờ quốc tế (GMT) được sử dụng để thống nhất việc sử dụng giờ trên toàn thế giới.

c) Kinh tuyến đi qua giữa khu vực giờ được lấy làm giờ chung cho khu vực đó.

d) Giờ ở London (Anh) muộn hơn giờ ở New York (Mỹ) 5 tiếng.

Đáp án: a) – Sai; b) – Đúng; c) – Đúng; d) – Sai.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của lượng bức xạ mặt trời và nguồn năng lượng bên trong Trái Đất đã làm cho các thành phần tự nhiên và cảnh quan địa lí có sự thay đổi. Sự thay đổi đó diễn ra theo vĩ độ, theo kinh độ và độ cao địa hình tạo nên quy luật địa đới và phi địa đới trong vỏ địa lí.

a) Biên độ nhiệt độ năm của nước ta giảm từ Bắc vào Nam là biểu hiện của quy luật địa đới.

b) Tính phi địa đới biểu hiện rõ rệt nhất ở các vùng đất bằng phẳng, rộng lớn.

c) Sự đối lập về khí hậu giữa đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ở nước ta là biểu hiện của quy luật đại cao và địa ô.

d) Quy luật địa đới và phi địa đới là cơ sở để phân chia các khu vực địa lí.

Đáp án: a) – Đúng; b) – Sai; c) – Đúng; d) – Đúng.

Câu 5. Cho thông tin sau:

“Trái Đất chuyển động quanh trục và quay xung quanh Mặt Trời trên một quỹ đạo hình e-líp và theo hướng từ Tây sang Đông. Trong quá trình chuyển động quanh Mặt Trời, trục Trái Đất luôn nghiêng trên mặt phẳng quỹ đạo một góc khoảng 66°33’. Thời gian chuyển động một vòng của Trái Đất quanh Mặt trời là 365 ngày 6h”.

Ý kiến nào sau đây đúng, ý kiến nào sai khi bàn về giờ trên Trái Đất?

- a) Nếu đi từ phía tây sang phía đông qua kinh tuyến 180° sẽ lùi lại một ngày lịch để phù hợp với thời gian nơi đến.
 b) Nếu đi từ phía tây sang phía đông qua kinh tuyến 180° sẽ tăng thêm một ngày lịch để phù hợp với thời gian nơi đến.
 c) Kinh tuyến 180° đi qua giữa khu vực giờ số 12 được lấy làm đường chuyển ngày quốc tế.
 d) Các địa điểm ở trên cùng một vĩ tuyến có chung một giờ địa phương.
- Đáp án:** a) – Đúng; b) – Đúng; c) – Đúng; d) – Sai.

C. CÂU HỎI TRẮC TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1. Một máy bay xuất phát từ Hà Nội (múi giờ số 7) lúc 7h00' ngày 4/11/2024 và hạ cánh tại thành phố A (nằm ở kinh tuyến 150°T) sau 7h bay. Hỏi lúc máy bay hạ cánh, thành phố A đang là mấy giờ?

Đáp án: 17

Câu 2. Khi ở thành phố Luân Đôn (múi giờ số 0) đang là 4 giờ thì cùng lúc đó ở thành phố Hà Nội (múi giờ số 7) là mấy giờ?

Đáp án: 11.

Câu 3. Cho biết kinh tuyến của Hà Nội là $105^\circ 52'\text{Đ}$, Hải Phòng là $106^\circ 43'\text{Đ}$. Hỏi giờ địa phương của Hà Nội và Hải phòng chênh lệch nhau bao nhiêu phút?

Đáp án: 3.4 phút.

- Ta biết rằng mỗi múi giờ rộng 15°KT và mỗi múi giờ là 1 giờ (60 phút) đồng hồ. Tức là mỗi độ kinh tuyến tương ứng 4 phút đồng hồ ($60': 15^\circ$).

- Theo đề bài thì Hà Nội và Hải Phòng cách nhau số độ kinh tuyến là: $106^\circ 43' - 105^\circ 52' = 0^\circ 51'$.

- Vậy hai địa phương này có giờ địa phương (là giờ của kinh tuyến) chênh lệch nhau số thời gian là: $\frac{51 \times 4 \text{ phút}}{1^\circ} = \frac{51 \times 4 \text{ phút}}{60'} = 3,4 \text{ phút} = 3 \text{ phút } 12 \text{ giây}$

Câu 4. Khi giờ GMT là 23h ngày 15/7/2022 thì ở Hà Nội là

Đáp án: 6h ngày 16/7/2022

Câu 5. Khi ở múi giờ -8 là 20h ngày 25/7/2022 thì ở múi số 7 là

Đáp án: 21h ngày 26/7/2022

Câu 6. Nếu múi giờ số 12 đang là 2 giờ ngày 15 – 2 thì cùng lúc đó Việt Nam (múi giờ số 7) đang là mấy giờ, ngày bao nhiêu ?

Đáp án: 9 h ngày 15-2.

Câu 7. Khi giờ GMT đang là 24 giờ ngày 31 – 12 năm 2022 thì ở Việt Nam là

Đáp án: 7 giờ ngày 1 – 1 năm 2023.

Câu 8. Kinh tuyến nằm giữa múi giờ số +7 là

Đáp án: 105°Đ .

Câu 9. Khi Việt Nam là 18h30' thì ở Matxcova (múi giờ 3) là mấy giờ?

Đáp án: 14h30'.

Câu 10. Khi Luân Đôn đang đón giao thừa thì lúc đó Việt Nam là mấy giờ?

Đáp án: 7 giờ.

Câu 11. Khi ở khu vực giờ gốc là 5 giờ sáng, thì ở Việt Nam lúc đó là mấy giờ?

Đáp án: 12 giờ trưa.

CÂU HỎI TỰ LUẬN

1. Nguồn gốc hình thành Trái Đất

- Lịch sử hình thành Trái Đất gắn liền với hệ Mặt Trời.
- Mặt Trời khi hình thành di chuyển trong dải Ngân Hà đi qua đám mây bụi và khí. Do lực hấp dẫn của Vũ Trụ, trước hết là Mặt Trời => khí và bụi chuyển động quanh Mặt Trời theo quỹ đạo hình elip, dần dần ngưng tụ thành các hành tinh (trong đó có Trái Đất).
- Vào cuối thời kì vật chất ngưng tụ, khi Trái Đất có khối lượng gần như hiện nay, quá trình tăng nhiệt bắt đầu diễn ra dẫn đến sự nóng chảy của vật chất bên trong và sắp xếp thành các lớp.

2. Đặc điểm của vỏ Trái Đất

- Vỏ Trái Đất cấu tạo bởi 3 tầng đá: trầm tích, granit và badan.
- Thành phần hóa học chủ yếu là silic và nhôm.
- Vỏ Trái Đất chia thành 2 kiểu: vỏ lục địa và vỏ đại dương.
- Ranh giới giữa vỏ Trái Đất và man-ti là mặt Mô-hô, ở độ sâu khoảng 40 - 60 km.

3. Vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất

Vật liệu cấu tạo nên vỏ Trái Đất là khoáng vật và đá.

- Khoáng vật là những nguyên tố tự nhiên hoặc hợp chất hóa học trong thiên nhiên, xuất hiện do kết quả của các quá trình địa chất.

- Đá:

+ Là tập hợp của 1 hay nhiều khoáng vật và là bộ phận chủ yếu cấu tạo nên vỏ Trái Đất.

+ 3 nhóm (phân chia dựa vào nguồn gốc):

Đá macma (đá granit, badan,...): hình thành do quá trình ngưng kết của các silicat nóng chảy.

Đá trầm tích (đá vôi, sa thạch,...): hình thành trong các vùng trũng do sự lắng tụ và nén chặt các vật liệu vụn nhỏ.

Đá biến chất (đá gơnai, đá hoa, đá phiến,...): thành tạo từ đá macma hoặc trầm tích bị biến đổi sâu sắc do nhiệt, áp suất,...

Câu 4. Tại sao có hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa và theo vĩ độ

**** Theo vĩ độ:**

- Ở xích đạo quanh năm có hiện tượng ngày đêm dài bằng nhau = 12h.

- Càng xa xích đạo độ dài ngày đêm càng chênh lệch

Đặc biệt từ VÒNG CỰC VỀ ĐẾN CỰC CÓ NGÀY/ ĐÊM = 24h

Riêng ở cực có 6 tháng ngày hoặc 6 tháng đêm

**** Theo mùa:**

- Ngày 22/6 BBCầu ngả về phía Mặt Trời nên có ngày > đêm

NBCầu cách xa phía Mặt Trời NBC có đêm > ngày

- Ngày 22/12 NBCầu ngả về phía Mặt Trời NBC có ngày > đêm

BBCầu cách xa Mặt Trời nên có đêm > ngày

- Ngày 21-3 và 23-9 mọi nơi trên bề mặt Trái Đất có ngày = đêm = 12h

Câu 5. Nếu Trái Đất không tự quay quanh trục mà chỉ chuyển động tịnh tiến xung quanh Mặt Trời thì trên bề mặt Trái Đất sẽ có những hiện tượng gì xảy ra?

- Trái Đất vẫn có ngày và đêm. Một năm chỉ có một ngày và một đêm.

- Ngày dài sáu tháng, đêm dài sáu tháng.

- Ban ngày, mặt đất sẽ tích tụ một lượng nhiệt rất lớn và nóng lên dữ dội. Ban đêm trở nên rất lạnh.

- Sự chênh lệch nhiệt độ rất lớn giữa ngày và đêm gây ra sự chênh lệch rất lớn về khí áp giữa hai nửa cầu ngày và đêm. Từ đó, hình thành những luồng gió cực mạnh.

- Bề mặt Trái Đất sẽ không còn sự sống.

CHƯƠNG 3. THẠCH QUYỀN

THUYẾT KIẾN TẠO MẢNG. NỘI LỰC VÀ NGOẠI LỰC

Câu 1. Giới hạn thạch quyển ở độ sâu

A. 50 km.

B. 100 km.

C. 150 km.

D. 200 km.

Câu 2. Thạch quyển được hợp thành bởi lớp vỏ Trái Đất và

A. phần trên của lớp Man-ti.

B. phần dưới của lớp Man-ti.

C. nhân ngoài của Trái Đất.

D. nhân trong của Trái Đất.

Câu 3. Thạch quyển gồm

A. vỏ Trái Đất và phần trên cùng của lớp Man-ti.

B. phần trên cùng của lớp Man-ti và đá trầm tích.

C. đá badan và phần ở trên cùng của lớp Man-ti.

D. phần trên cùng của lớp Man-ti và đá biến chất.

Câu 4. Thạch quyển

A. là nơi tích tụ nguồn năng lượng bên trong.

B. là nơi hình thành các địa hình khác nhau.

C. di chuyển trên quyển mềm của bao Man-ti.

D. đứng yên trên quyển mềm của bao Man-ti.

Câu 5. Mảng kiến tạo **không** phải là

A. bộ phận lục địa nổi trên bề mặt Trái Đất.

B. những bộ phận lớn của đáy đại dương.

C. luôn luôn đứng yên không di chuyển.

D. chìm sâu mà nổi ở phần trên lớp Man-ti.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các mảng kiến tạo?

A. Phần nổi trên mực nước biển là lục địa, phần bị nước bao phủ là đại dương.

B. Các mảng nổi lên trên lớp vật chất quánh dẻo thuộc phần trên của lớp Man-ti.

C. Mỗi mảng đều trôi nổi tự do và di chuyển độc lập, tốc độ rất lớn trong năm.

D. Khi dịch chuyển, các mảng có thể tách rời, xô vào nhau, hoặc trượt qua nhau.

Câu 7. ở vùng tiếp xúc của các mảng kiến tạo **không** có đặc điểm nào dưới đây?

A. Xảy ra các loại hoạt động kiến tạo.

B. Là những vùng ổn định của vỏ Trái Đất.

C. Có nhiều hoạt động núi lửa, động đất.

D. Có những sông núi ngầm ở đại dương.

Câu 8. Nội lực là lực phát sinh từ

A. bên trong Trái Đất.

B. bên ngoài Trái Đất.

C. bức xạ của Mặt Trời.

D. nhân của Trái Đất.

Câu 9. Nguồn năng lượng sinh ra nội lực **không** phải là do

A. sự phân huỷ các chất phóng xạ.

B. sự dịch chuyển các dòng vật chất.

C. các phản ứng hoá học khác nhau.

D. bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất.

Câu 10. Vận động nội lực theo phương nằm ngang thường

A. xảy ra chậm và trên một diện tích lớn.

B. vẫn tiếp tục xảy ra ở nhiều nơi hiện nay.

C. làm cho lục địa nâng lên hay hạ xuống.

D. gây ra các hiện tượng uốn nếp, đứt gãy.

Câu 11. Vận động nội lực theo phương nằm ngang **không** làm

A. thành núi uốn nếp.

B. những nơi địa lũy.

C. những nơi địa hào.

D. lục địa nâng lên.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vận động nội lực theo phương nằm ngang?

A. Tạo nên những nơi núi uốn nếp.

B. Sinh ra những địa lũy, địa hào.

C. Các lục địa nâng lên, hạ xuống.

D. Có hiện tượng động đất, núi lửa.

Câu 13. Sông nào sau đây ở Việt Nam chảy trên một đứt gãy kiến tạo?

A. Hồng.

B. Cả.

C. Thu Bồn.

D. Đồng Nai.

Câu 14. Địa lũy thường được sinh ra trong điều kiện các lớp đá

A. trôi lên.

B. sụt xuống.

C. uốn nếp.

D. xô lệch.

Câu 15. Địa hào thường được sinh ra trong điều kiện các lớp đá

A. trôi lên.

B. sụt xuống.

C. uốn nếp.

D. xô lệch

Câu 16. Vận động kiến tạo theo phương nằm ngang xảy ra **không** phải do nguồn năng lượng của

A. sự phân huỷ các chất phóng xạ.

B. sự dịch chuyển các dòng vật chất.

C. các phản ứng hoá học khác nhau.

D. bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất.

Câu 17. Vận động kiến tạo theo phương thẳng đứng xảy ra **không** phải do nguồn năng lượng của

A. sự phân huỷ các chất phóng xạ.

B. sự dịch chuyển các dòng vật chất.

C. các phản ứng hoá học khác nhau.

D. bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất.

Câu 18. Ngoại lực có nguồn gốc từ

A. bên trong Trái Đất.

B. lực hút của Trái Đất.

C. bức xạ của Mặt Trời.

D. nhân của Trái Đất.

Câu 19. Nguồn năng lượng sinh ra ngoại lực chủ yếu là của

A. sự phân huỷ các chất phóng xạ.

B. sự dịch chuyển các dòng vật chất.

C. các phản ứng hoá học khác nhau.

D. bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất.

Câu 20. Biểu hiện nào sau đây là do tác động của ngoại lực tạo nên?

A. Lục địa được nâng lên hay hạ xuống.

B. Các lớp đất đá bị uốn nếp hay đứt gãy.

C. Đá nứt vỡ do nhiệt độ thay đổi đột ngột.

D. Sinh ra hiện tượng động đất, núi lửa.

Câu 21. Các quá trình ngoại lực bao gồm

A. phong hoá, nâng lên, vận chuyển, bồi tụ.

B. phong hoá, bóc mòn, vận chuyển, bồi tụ.

C. phong hoá, hạ xuống, vận chuyển, bồi tụ.

D. phong hoá, uốn nếp, vận chuyển, bồi tụ.

Câu 22. Quá trình phong hoá xảy ra là do tác động của sự thay đổi

A. nhiệt độ, nước, sinh vật.

B. sinh vật, nhiệt độ, đất.

C. đất, nhiệt độ, địa hình.

D. địa hình, nước, khí hậu.

Câu 23. Địa hình băng tích là kết quả trực tiếp của quá trình

A. bóc mòn.

B. bồi tụ.

C. vận chuyển.

D. phong hoá.

Câu 24. Địa hình nào sau đây do quá trình bồi tụ tạo nên?

A. Các rãnh nông.

B. Bãi bồi ven sông.

C. Hàm ếch sóng vỗ.

D. Thung lũng sông.

Câu 25. Bóc mòn là quá trình

A. chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó.

C. tích tụ (tích lũy) các vật liệu đã bị phá huỷ.

B. di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác.

D. phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu.

Câu 26. Vận chuyển là quá trình

A. chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó.

C. tích tụ (tích lũy) các vật liệu đã bị phá huỷ.

B. di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác.

D. phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu.

Câu 27. Bồi tụ là quá trình

A. chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó.

C. tích tụ (tích lũy) các vật liệu đã bị phá huỷ.

B. di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác.

D. phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu.

Câu 28. Biểu hiện nào sau đây không phải là do tác động của nội lực?

A. Đá nứt vỡ do nhiệt độ thay đổi đột ngột.

C. Lục địa được nâng lên hay hạ xuống.

B. Các lớp đất đá bị uốn nếp hay đứt gãy.

D. Sinh ra hiện tượng động đất, núi lửa.

Câu 29. Các địa hình nào sau đây không phải là kết quả của quá trình bóc mòn?

A. Địa hình thối mòn, địa hình bồi tụ.

C. Địa hình xâm thực, địa hình thối mòn.

B. Địa hình thối mòn, địa hình khoét mòn.

D. Địa hình xâm thực, địa hình băng tích.

Câu 30. Đồng bằng châu thổ sông được hình thành chủ yếu bởi

A. Quá trình xâm thực mạnh mẽ ở vùng thượng lưu.

B. Quá trình vận chuyển vật liệu của các con bão.

C. Quá trình bồi tụ vật liệu tại các cửa sông lớn.

D. Quá trình nâng lên của vỏ Trái Đất do nội lực.

Câu 31. Sự khác biệt cơ bản giữa nội lực và ngoại lực là

A. Nội lực diễn ra chậm còn ngoại lực diễn ra nhanh.

B. Nội lực có hại còn ngoại lực có lợi cho con người.

C. Nguồn năng lượng sinh ra các quá trình đó khác.

D. Phạm vi tác động của chúng trên bề mặt khác nhau.

Câu 32. Nội lực và ngoại lực luôn có đặc điểm là

A. Diễn ra tách biệt và không liên quan đến nhau cả.

B. Diễn ra tuần tự, hết nội lực mới đến ngoại lực.

C. Diễn ra đồng thời và đối kháng nhau liên tục cả.

D. Chỉ diễn ra ở những vùng có dân cư sinh sống đông.

Câu 33. Vận động nội lực làm bề mặt Trái Đất trở nên

A. Gồ ghề và tạo ra các đơn vị địa hình lớn nhất.

B. Bằng phẳng do quá trình san lấp các vùng trũng.

C. Ổn định và không thay đổi trong thời gian dài.

D. Thấp hơn so với mực nước biển trung bình cả thế.

Câu 34. Ngoại lực có xu hướng làm địa hình bề mặt trở nên

A. Gồ ghề hơn do tạo ra các dãy núi uốn nếp cao.

B. Bằng phẳng hơn do san lấp vùng trũng thấp lại.

C. Cao hơn do tích tụ các dòng dung nham núi lửa.

D. Biến động mạnh mẽ do các đứt gãy vỏ Trái Đất.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 11. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Hoạt động của nội lực là

a) Nội lực tạo ra các vận động kiến tạo, làm thay đổi địa hình.

b) Nội lực là lực sinh ra bên trong Trái Đất.

c) Vận động nội lực theo phương thẳng đứng gây ra hiện tượng uốn nếp, đứt gãy.

d) Vận động nội lực theo phương nằm ngang gây ra hiện tượng biến tiến và biến thoái.

Đáp án: a) – Đúng;

b) – Đúng;

c) – Sai;

d) – Sai.

Câu 2. Hoạt động ngoại lực

- a) Ngoại lực tạo ra các vận động kiến tạo, làm thay đổi địa hình.
- b) Ngoại lực là lực sinh ra bên trong Trái Đất.
- c) Phong hoá hoá học làm thay đổi thành phần, tính chất của đá.
- d) Phong hoá vật lý làm vỡ đá nhưng không thay đổi thành phần và tính chất của đá.

Đáp án: a) – Sai; b) – Sai; c) – Đúng; d) – Đúng.

Câu 3. Cho đoạn thông tin sau:

Ngoại lực có xu hướng bóc mòn những nơi cao, dốc và bồi tụ ở những nơi thấp, thoải trên bề mặt Trái Đất. Địa hình do ngoại lực tạo thành rất đa dạng và phổ biến trên Trái Đất.

- a) Ngoại lực là lực sinh ra chủ yếu do năng lượng bức xạ Mặt trời.
- b) Hệ thống núi Himalaya được hình thành do ngoại lực.
- c) Các tác động ngoại lực diễn ra độc lập, tách biệt với các tác động nội lực.
- d) Dạng địa hình các-xto là một trong những biểu hiện điển hình của tác động ngoại lực trên bề mặt Trái Đất.

Đáp án: a) – Đúng. b) – Sai. c) – Sai. d) – Đúng.

Câu 4. Núi lửa, động đất được hiểu là

- a) Núi lửa là kết quả chủ yếu của động đất.
- b) Núi lửa là núi có dạng hình nón, đỉnh có miệng trũng, ở đó thường xuyên hoặc định kì phun ra các chất khí, hơi nước, đá tảng, tro hoặc dung nham nóng chảy.
- c) Động đất là hiện tượng chấn động ở một bộ phận nào đó của lớp vỏ Trái Đất.
- d) Núi lửa và động đất thường phân bố ở những vùng tiếp xúc của các mảng kiến tạo, là những nơi có hoạt động kiến tạo xảy ra mạnh.

Đáp án: a) – Sai. b) – Đúng. c) – Đúng. d) – Đúng.

Câu 5. Cho đoạn thông tin:

" Tại những khu vực cấu tạo bởi đá cứng, vận động kiến tạo làm các lớp đá của vỏ Trái Đất bị nứt vỡ, hình thành các vết nứt hoặc đứt gãy kéo dài. Hai bên đứt gãy có bộ phận được nâng lên và có bộ phận hạ thấp."

- a) Đứt gãy không tạo thành dãy núi, khối núi.
- b) Bộ phận hạ thấp của đứt gãy tạo thành thung lũng.
- c) Vận động kiến tạo theo phương ngang hình thành đứt gãy.
- d) Đứt gãy thường chỉ xảy ra ở những khu vực có đá cứng.

Đáp án: a) – Sai. b) – Đúng. c) – Sai. d) – Đúng.

Câu 6. Cho đoạn thông tin:

" Ngoại lực tác động đến địa hình bề mặt Trái Đất thông qua các quá trình: phong hoá, bóc mòn, vận chuyển và bồi tụ. Các quá trình ngoại lực không có ranh giới rõ ràng và chúng có thể đan xen lẫn nhau."

- a) Bóc mòn là quá trình di chuyển vật chất từ nơi này sang nơi khác do tác động của ngoại lực.
- b) Phong hóa có thể xảy ra đồng thời hoặc xảy ra trước quá trình bóc mòn.
- c) Vận chuyển có thể xảy ra do tác động của gió, nước, sóng biển và băng hà.
- d) Bồi tụ là quá trình tạo nên các dạng địa hình như đồng bằng, ven biển.

Đáp án: a) – Sai. b) – Đúng. c) – Đúng. d) – Đúng.

C. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1. Phần đất liền của nước ta kéo dài từ vĩ độ 8°34'B đến 23°23'B và kinh độ 102°09'Đ đến 109°28'Đ. Vậy phần lãnh thổ trên đất liền nước ta trải dài khoảng bao nhiêu vĩ độ ? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Đáp án: 15.

Câu 2. Biết rằng bản đồ có tỉ lệ là 1: 2 000 000 và khoảng cách từ Cửa khẩu quốc tế Xa Mát (Tây Ninh) tới Trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh đo được trên bản đồ là 7,5 cm. Hãy cho biết khoảng cách thực tế từ Cửa khẩu quốc tế Xa Mát đến Trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh là bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của km).

Đáp án: 150.

Câu 3. Ở chân núi bên sườn đón gió, nhiệt độ không khí là 33⁰C; đến độ cao 1000m thì nhiệt độ ở đỉnh là bao nhiêu ⁰C? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của 0C)

Đáp án: 27.

Câu 4. Cho bảng số liệu: **LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG TẠI HUẾ NĂM 2021**

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	190,3	61,1	1124,	68,6	1,7	32,0	27,0	52,6	535,6	1438,3	825,9	490,5

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2020, NXB thống kê Việt Nam, 2021)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa của Huế năm 2021 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm).

Đáp án: 3836.

Câu 5. Cho bảng số liệu: **Nhiệt độ trung bình tháng tại Lạng Sơn năm 2021**

(Đơn vị: ⁰C)

Vĩ độ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	13,7	18,7	22,1	24,5	26,7	26,2	25,8	26,0	24,7	21,8	19,0	15,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2020, NXB thống kê Việt Nam, 2021)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt độ năm tại Lạng Sơn (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của ⁰C).

Đáp án: 13.

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Lưu lượng dòng chảy tháng tại trạm Hà Nội trên sông Hồng

Vĩ độ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	1022	905	853	1004	1578	3469	5891	6245	4399	2909	2024	1285

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính lưu lượng dòng chảy trung bình năm tại trạm Hà Nội trên sông Hồng (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m³/s).

Đáp án: 2632.

Câu 7. Vào lúc 20h ngày 1.3.2006, tại Hà Nội khai mạc SEAGAME 22, hỏi lúc đó là mấy giờ tại Seoul? Biết Seoul ở múi giờ số 8.

Đáp án: 21.

Câu 8. Biết rằng bản đồ có tỉ lệ là 1: 300 000 000. Hãy cho biết 1cm trên bản đồ ứng với bao nhiêu km ngoài thực địa?

Đáp án: 3000.

Câu 9. Khi gió khô xuống núi, núi ở độ cao 2000m , nhiệt độ của không khí trong gió sẽ là 19⁰C thì khi xuống đến độ cao 200m, nhiệt độ của không khí trong gió sẽ là là bao nhiêu ⁰C? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của ⁰C)

Đáp án: 37⁰C.

CÂU HỎI TỰ LUẬN

1. Phân biệt thạch quyển với vỏ Trái Đất.

Hướng dẫn:

- Thạch quyển: Là phần cứng ngoài cùng của Trái Đất, bao gồm vỏ Trái Đất và phần trên cùng lớp Manti, có độ dày tới 100 km.
- Lớp vỏ Trái Đất: Là phần ngoài cùng của Trái Đất, cấu tạo chủ yếu bằng những vật chất cứng rắn (đá mácma, trầm tích và biến chất), độ dày trung bình dao động từ 5 km (ở đại dương) đến 70 km (ở lục địa).

2. Nội lực là gì? Nguyên nhân sinh ra nội lực?

Hướng dẫn:

- Nội lực là lực phát sinh từ bên trong Trái Đất.

- Nguyên nhân sinh ra nội lực chủ yếu là các nguồn năng lượng ở trong lòng Trái Đất như năng lượng của sự phân hủy các chất phóng xạ, sự dịch chuyển của các dòng vật chất theo quy luật của trọng lực, năng lượng của các phản ứng hoá học...

3. a.Trình bày khái niệm, nguyên nhân sinh ra ngoại lực.

b. Phân tích tác động của quá trình phong hoá, bóc mòn, vận chuyển, bồi tụ đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.

- Khái niệm: Ngoại lực là lực diễn ra trên bề mặt Trái Đất như tác động của gió, mưa, nước chảy, sóng biển, băng, sinh vật và con người.
- Nguyên nhân chủ yếu sinh ra ngoại lực do nguồn năng lượng bức xạ mặt trời.
- Tác động: Tác động của quá trình ngoại lực thông qua ba quá trình: phong hoá, bóc mòn, vận chuyển và bồi tụ. Xu hướng chung của ngoại lực là phá huỷ, hạ thấp độ cao và san bằng địa hình.
- + *Quá trình phong hoá*: Phong hoá là quá trình phá huỷ, làm thay đổi đá và khoáng vật dưới tác động của nhiệt độ, nước, sinh vật, ... Quá trình phong hoá bao gồm: phong hóa vật lí, phong hoá hoá học và phong hoá sinh học. Kết quả chung của quá trình phong hoá là tạo ra lớp vỏ phong hoá.
- + *Quá trình bóc mòn*: Bóc mòn là quá trình dời chuyển các sản phẩm phong hoá khỏi vị trí ban đầu, dưới tác động của nước chảy, sóng biển, gió, băng hà,... Tuỳ theo nhân tố bóc mòn mà quá trình bóc mòn lại chia thành quá trình xâm thực (do nước chảy), quá trình mài mòn (do sóng biển và băng hà) và quá trình thổi mòn (do gió). Các quá trình này tạo ra các dạng địa hình hết sức phong phú và đa dạng.
- + *Quá trình vận chuyển và quá trình bồi tụ*: Quá trình vận chuyển là quá trình di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác; Quá trình bồi tụ là quá trình tích tụ các vật liệu để tạo ra các dạng địa hình mới.

4. Nêu sự khác nhau của nội lực và ngoại lực (về khái niệm, nguyên nhân).

Đặc điểm	Nội lực	Ngoại lực
Khái niệm	Nội lực là lực sinh ra trong lòng Trái Đất, liên quan tới nguồn năng lượng bên trong Trái Đất.	Ngoại lực là lực diễn ra trên bề mặt Trái Đất như tác động của gió, mưa, nước chảy, sóng biển, băng, sinh vật và con người.
Nguyên nhân	- Nguyên nhân sinh ra nội lực là do: sự phân huỷ của các chất phóng xạ; Các phản ứng hóa học tỏa nhiệt; Chuyển động tự quay của Trái Đất; Sự sắp xếp vật chất theo tỉ trọng,...	Nguyên nhân chủ yếu sinh ra ngoại lực do nguồn năng lượng bức xạ Mặt Trời